

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Giá trị là gì? Hai cây tre giống nhau, một cây dùng làm sáo, một cây dùng làm giá phơi đồ. Một hôm, cây dùng làm giá phơi đồ mới hỏi cây dùng làm sáo: "Tại sao chúng ta sinh ra cùng một nơi, đều là tre trên núi nhưng tôi mỗi ngày đều phải giải nắng dầm mưa, còn bạn lại rất đáng tiền?". Sáo trả lời: "Bởi vì bạn chỉ chịu một nhát dao khi bị chặt ra, còn tôi đã trải qua hàng ngàn nhát dao, được người ta chế tạo cẩn thận". Giá phơi đồ im lặng.

Đời người cũng như vậy, nếu có thể chịu đựng được cực khổ, cô đơn, cọ xát vào thực tế, dám đảm đương và đứng lên chịu trách nhiệm cho cuộc đời mình, cuộc sống mới có giá trị.

Khi nhìn thấy vinh quang của người khác, bạn không cần phải ghen tức, bởi vì người khác trả giá nhiều hơn bạn. Thật ra trên thế giới này có rất nhiều người thông minh nhưng lại có quá ít người có thể kiên trì đến cuối cùng, thế nên số người chiến thắng chỉ là số ít. Người càng thông minh họ càng hiểu rõ khuyết điểm của mình và luôn cố gắng đến cùng.

Trưởng thành không phải là trải qua thất bại một lần mà phải tích lũy nhiều lần, cả về tri thức lẫn kinh nghiệm sống.

Đây chính là luật tre,

(Hạt giống tâm hồn, Tập 3, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, Tr.79)

Câu 1 (TH). Tác giả đã tìm thấy ở cây tre quy luật nào của cuộc sống?

Câu 2 (TH). Trước thắc mắc của cây tre làm giá phơi đồ về sự "đáng tiền" của mình, cây tre dùng làm sáo trả lời như thế nào?

Câu 3 (TH). Theo anh (chị), giữa cây tre làm sáo và cây tre dùng làm giá phơi đồ, cây tre nào có giá trị hơn? Vì sao?

Câu 4 (VD). Anh (chị) có đồng tình với quan điểm: "*Trưởng thành không phải là trải qua thất bại một lần mà phải tích lũy nhiều lần, cả về tri thức lẫn kinh nghiệm sống*" không? Vì sao?

II. LÀM VĂN.

Câu 1. (VDC). Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về giá trị của mỗi người trong cuộc đời.

Câu 2. (VDC).

Cho đoạn trích sau:

... Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mệt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn

vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này:

- Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...

Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đầm ấm, hòa hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngừng lại. Niêu cháo loãng bỗng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.

Bà lão đặt đĩa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ:

- Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ. Bà lật lật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt com, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười: - Chè đây. - Bà lão múc ra một bát - Chè khoán đây, ngon đáo để cơ.

Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tóe lại. Thị điềm nhiên và vào miệng. Tràng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đon đả:

- Cắm đậy mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khỏi nhà còn chả có cái mà ăn đấy. Tràng cầm đôi đĩa, gọt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hắn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.

(Trích *Vợ nhặt*, Kim Lân, Ngữ văn 12, Tập hai, Nxb Giáo dục, 2014, tr.31)

Cảm nhận của anh/chị về cảnh tượng bữa cơm ngày đói trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về tư tưởng nhân đạo của nhà văn Kim Lân?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1

Phương pháp: Đọc, tìm ý.

Cách giải:

Theo đoạn trích, từ cây tre tác giả đã tìm ra quy luật về giá trị: “*Trưởng thành không phải là trải qua thất bại một lần mà phải tích lũy nhiều lần, cả về tri thức lẫn kinh nghiệm sống*”.

Câu 2

Phương pháp: Đọc kỹ tìm ý.

Cách giải:

Cây tre dùng sáo trả lời như sau: “*Bởi vì bạn chỉ chịu một nhát dao khi bị chặt ra, còn tôi đã trải qua hàng ngàn nhát dao, được người ta chế tạo cẩn thận*”

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh trình bày theo quan điểm cá nhân, có lý giải.

Gợi ý:

Cây tre dùng làm sáo có giá trị hơn. Bởi lẽ cây tre dùng để làm sáo đã phải chịu những nhát dao chế tạo để tạo nên nhưng nốt âm thanh tô đẹp cho đời.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh trình bày theo quan điểm của mình, có lý giải.

Gợi ý:

Đồng ý với quan điểm.

Lý giải:

- Trên con đường đi đến thành công, chúng ta phải trải qua rất nhiều gian nan, khó khăn, thất bại. - Mỗi một thất bại nếu nhìn theo hướng tích cực đó chính là một lần được học hỏi, một kinh nghiệm được tích lũy.
- Vì vậy, thành công là không sợ thất bại mà chính là chúng ta đã học được gì ở thất bại đó.

II. LÀM VĂN.

Câu 1:

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận xã hội.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Viết đúng một đoạn văn nghị luận xã hội theo cấu trúc.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

- **Nêu vấn đề:** Giá trị của mỗi người trong cuộc đời.
- **Bàn luận:**
 - + Mỗi người đều có giá trị của bản thân mình.
 - + Con người cần nhìn nhận bản thân mình để nhận ra được giá trị thực sự và trân trọng nó.
 - + Giá trị của con người phụ thuộc vào quá trình tích lũy, mài dũa, cố gắng của mỗi người trong cuộc sống. -> Con người cần nhận ra giá trị của bản thân trân trọng và trau dồi nó.
- **Phản đề:**
 - + Phê phán những người chối bỏ bản thân mình.
 - + Thay vì cố gắng trau dồi bản thân lại đi so sánh, đố kỵ với những giá trị mà người khác có được.

Câu 2:

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

+ Kim Lân là một cây bút văn xuôi tiêu biểu. Đề tài chủ yếu của ông là nông thôn và người nông dân với khả năng phân tích tâm lý nhân vật xuất sắc.

+ Vợ nhặt là một trong những tác phẩm tiêu biểu của Kim Lân viết về người nông dân nghèo. Lấy bối cảnh nạn đói năm 1945, Kim Lân đã tái hiện tình cảnh thê thảm của nạn đói đồng thời phát hiện, trân trọng và ngợi ca tình người ngay trên bờ vực của cái chết.

- Giới thiệu vấn đề nghị luận của bài viết: Cảm nhận về đẹp của người lao động nghèo trong đoạn trích. Từ đó, nhận xét về cách nhìn con người của nhà văn Kim Lân.

II. Thân bài:

1) Cảm nhận về bữa cơm ngày đói.

a) Vị trí đoạn trích: Đoạn trích nằm ở phần cuối của tác phẩm trong bữa cơm đầu đón nàng dâu mới.

b) Cảm nhận về đoạn trích:

Đoạn trích diễn tả cảnh bữa cơm đón nàng dâu mới, trong bữa cơm đó mỗi thành viên lại mang trong mình một cảm xúc riêng nhưng hơn hết trong họ là tình yêu thương dù hoàn cảnh nạn đói đang diễn ra rất căng thẳng.

*** *Tâm trạng của bà cụ Tứ:***

- Trong bữa cơm ngày đói rất thảm hại, bà lão lại là người nói nhiều nhất, hồ hởi nhất, nhiệt tình nhất, mà toàn là những chuyện vui, chuyện sung sướng sau này: nuôi gà, ...

- Lễ mễ bê lên nồi cháo cám.

-> Truyền niềm tin, niềm vui cho các con

- Tiếng trống thúc thuế vang lên dồn dập, kéo bà cụ Tứ trở về với hiện thực, niềm vui của bà không thể cất cánh, niềm tin của bà không thể mở rộng; nỗi lo lắng phục sinh vụn nguyên.

- Nỗi niềm của bà vơi dần đi qua lời nói của người con dâu về những điều bà chưa từng được nghe, được thấy bao giờ -> ánh sáng le lói cuối đường hầm. nhìn thấy lối thoát cho mình, cho gia đình mình và tất cả những người dân khốn cùng như bà.

*** *Tâm trạng nhân vật người vợ nhặt.***

- Trong bữa cơm đầu, là nàng dâu mới thì không còn cái vẻ đanh đá, chồng lớn như lúc mới gặp Tràng mà thể hiện đúng mực là một nàng dâu.

- Khi ăn thì lặng lẽ ngồi nghe chồng và mẹ chồng nói chuyện.

- Khi nhận bát cháo cám trên từ tay mẹ chồng, đôi mắt thị tối sầm lại nhưng vẫn điềm nhiên và vào miệng -> Sự kín đáo ý nhị của người con dâu mới.

*** *Tâm trạng của Tràng.***

- Tràng trong bữa cơm ngày đói, chưa bao giờ trong nhà mẹ con lại hòa hợp đến thế. Khi nói chuyện với mẹ Tràng dạ vâng thưa gửi rất lễ phép.

-> Sự trưởng thành trong suy nghĩ, hành động. Ý thức được trách nhiệm của người đàn ông trong gia đình.

- Lúc ăn cơm trong suy nghĩ của Tràng là hình ảnh đám người đói và lá cờ bay phấp phới. -> Đó là hình ảnh báo hiệu sự đổi đời, con đường đi mới.

2) Nhận xét về giá trị nhân đạo trong đoạn trích.

- Tác phẩm đã thể hiện sự trân trọng của tác giả trước vẻ đẹp của người lao động trong nạn đói:

+ Dù đói, khổ vẫn lạc quan hướng đến tương lai: Trong bữa cơm, bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này; bà vẽ ra những viễn cảnh tươi đẹp (mua lấy một đôi gà, ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có đàn gà); bà gọi cháo cám là chè khoán; bà động viên các con bằng niềm lạc quan (ngon đáo để, xóm ta khỏi nhà còn chả có cám mà ăn),...

+ Dù đói, khổ vẫn yêu thương, trân trọng nhau, vẫn muốn sống cho ra người: bữa cơm đầu tiên tuy sơ sài, thiếu thốn nhưng vẫn đầy ắp tình yêu thương (bà cụ Tứ hồ hởi kể chuyện làm ăn gia cảnh, Tràng vâng rất ngoan ngoãn, không khí gia đình đầm ấm, hòa hợp); người con dâu trân trọng tình cảm của người mẹ nghèo (tuy hai con mắt tối sầm lại trước bát cháo cám nhưng thị vẫn điềm nhiên và vào miệng),...

- Nghệ thuật: Cảnh ngộ và vẻ đẹp của người lao động trong nạn đói được thể hiện bằng tình huống truyện độc đáo, éo le; khả năng miêu tả tâm trạng nhân vật tinh tế, khéo léo; cách kể truyện ở ngôi thứ ba khách quan, tự nhiên gây hứng thú; ngôn ngữ giản dị, mộc mạc;...

III. Kết bài

Khẳng định giá trị của tác phẩm và vị trí của tác giả.